TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số 07/2017/DS-ST

Ngày 15/8/2017

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Ngữ.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Đức Sơn

Ông Ngô Thanh Xuân

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Ngô Thị Thủy — Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên toà: Ông Lê Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2017 tại trụ sở, TAND huyện Lạng Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2017/TLST- DS ngày 24/3/2017 về việc kiện đòi tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2017/QĐXXST-DS ngày 11/7/2017, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Quảng B, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Số 4, khu dân cư Đ, phường Hoàng Văn T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

+ **Bị đơn:** 1. Anh Trần Đức T, sinh năm 1986 (vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Đều trú tại thôn B, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, ông Nguyễn Quảng B là nguyên đơn trình bày: Ông nhiều lần bán thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng anh Trần Đức T và chị Nguyễn Thị N ở thôn B, xã Y, huyện L. Quá trình mua bán thì anh T, chị N nợ tiền chưa thanh toán hết. Ngày 16/5/2014 sau khi tính toán chốt nợ thì anh T, chị N còn nợ lại 145.123.000đ, hai bên có lập biên bản và anh T, chị N đã ký vào giấy nhận nợ và hẹn đến ngày 16/8/2014 (âm lịch) tức ngày 09/9/2014 trả hết cho ông B số nợ trên. Thỏa thuận như vậy nhưng hết ngày 30/7/2017 anh T, chị N trả cho ông một phần trong số nợ trên, trả lại một số thức ăn chăn nuôi. Ông và anh T đã tính toán lại và anh T, chị N còn nợ lại 82.480.000đ, không hỏa thuận

lãi suất, không hẹn thời điểm thanh toán. Từ ngày 30/7/2014 đến nay ông có lên đòi tiền nhiều lần nhưng anh T, chị N không có ý thức trả ông số tiền còn thiếu. Nay ông yêu cầu vợ chồng anh T, chị N có trách nhiệm thanh toán cho ông số tiền còn nợ là 82.480.000đ và lãi suất 9%/năm từ ngày [16/6/2014 (âm lịch) đến ngày 16/6/2017 (âm lịch)] là 22.253.000đồng

Tại phiên toà hôm nay ông vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc anh T, chị N thanh toán trả 82.480.000đ và tiền lãi đề nghị Tòa án tính theo pháp luật.

Anh Trần Đức T, chị Nguyễn Thị N là bị đơn khai: Gia đình anh chị có nhiều lần mua thức ăn chăn nuôi của ông Nguyễn Quảng B. Khi mua bán thì có lần vợ chồng anh chị thanh toán tiền ngay, có lần thì nợ lại. Ngày 16/5/2014 ông B có lên gia đình anh chị để chốt nợ, sau khi tính toán đối trừ thì anh chị còn nợ số tiền hơn 145.000.000đ. Anh chị hẹn đến ngày 16/6/2014 (âm lịch) sẽ thanh toán cho ông B 100.000.000đ, số còn lại anh chị hẹn đến 16/8/2014 (âm lịch) sẽ thanh toán hết.

Thỏa thuận như vậy nhưng do chăn nuôi thua lỗ nên đến ngày 30/7/2014 vợ chồng anh chị vẫn còn nợ lại ông B 82.480.000đ. Nay ông B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh chị trả số nợ trên anh chị đồng ý nhưng do chăn nuôi thua lỗ, kinh tế khó khăn nên anh chị xin được trả dần.

Anh Trần Đức T và chị Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Thực hành kiểm sát hoạt động tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên toà Thẩm phán và Thư ký Toà án tuân theo đúng trình tự tố tụng.

Tại phiên toà Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật TTDS.

Nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật

Bị đơn chấp hành không đầy đủ quy định của pháp luật.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án: Buộc anh Trần Đức T và chị Nguyễn Thị N thanh toán trả cho ông Nguyễn Quảng B số tiền còn nợ là 82.480.000đ và lãi suất 9%/năm từ ngày 10/9/2014 đến ngày xét xử 15/8/2017. Buộc vợ chồng anh T, chị N phải chịu án phí theo pháp luật và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Trần Đức T và chị Nguyễn Thị N là bị đơn đã được Tòa án giao các văn bản, quyết định của Tòa án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T, chị N vẫn vắng mặt tại phiên tòa ngày 26/7/2017 và vắng mặt tại phiên tòa hôm nay. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố Tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T, chị N.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Anh Trần Đức T và chị Nguyễn Thị N nhiều lần mua thức ăn chăn nuôi của ông Nguyễn Quảng B để chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình. Ngày 16/5/2014 hai

bên tính toán đối trừ thì anh T, chị N còn nợ ông Bình 145.123.000đ. Hai bên có lập biên bản và ký nhận, anh T, chị N hẹn đến ngày 16/8/2014 (âm lịch) thanh toán hết cho ông B số tiền còn thiếu. Thỏa thuận như vậy nhưng đến ngày 30/7/2014 anh T, chị N mới trả được một phần và thừa nhận còn nợ lại ông B 82.480.000đ nhưng do chăn nuôi thua lỗ, kinh tế khó khăn nên anh chị xin được trả dần số thiền trên.

HĐXX xét thấy, vợ chồng anh Trần Đức T, chị Nguyễn Thị N mua thức ăn chăn nuôi và còn nợ ông Nguyễn Quảng B 82.480.000đ là có thật. Anh T, chị N đã ký nhận và thừa nhận còn nợ lại số tiền như đã nêu trên. Vì vậy ông B khởi kiện buộc anh T, chị N thanh toán số tiền còn nợ là 82.480.000đ là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 256 Bộ luật dân sự 2005 và khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên HĐXX chấp nhận.

[3]. Về tiền lãi suất: Ông Nguyễn Quảng B yêu cầu vợ chồng anh T, chị N phải trả tiền lãi từ ngày 16/6/2014 đến ngày 16/6/2017 (3 năm) theo quy định của pháp luật là 9%/năm = 22.253.000đồng.

Xét thấy, ngày 16/5/2014 các đương sự tính toán và lập biên bản thỏa thuận đến ngày 16/8/2014 (âm lịch) tức ngày 09/9/2014 thanh toán hết cho ông Bình số tiền còn thiếu. Hết thời hạn 16/8/2014 (âm lịch) vợ chồng anh T, chị N còn nợ ông B 82.480.000đ. Khi lập biên bản không thỏa thuận tính lãi suất nên yêu cầu tính lãi suất của ông B chỉ được tính khi anh T, chị N vi phạm thời hạn thanh toán cuối cùng là ngày 16/8/2014 (âm lịch) tức ngày 09/9/2014.

Chị Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án, căn cứ điểm d khoản 1 Điều 688 và Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 thì thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vẫn còn. Vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của ông B đối với số tiền còn nợ.

Tại phiên tòa ông B đề nghị tính lãi theo quy định của pháp luật nên HĐXX tính lãi từ ngày 17/8/2014 (âm lịch) tức ngày 10/9/2014 đến ngày 15/8/2017 = 35 tháng 5 ngày) = 21.754.000đ.

[4].Về án phí: Do yêu cầu của ông Nguyễn Quảng B đối với số tiền 82.480.000đ và lãi chậm trả là 21.754.000đ có căn cứ nên anh Trần Đức T và chị Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 2 Điều 26, Điều 35, 39, 147, khoản 2 Điều 184, Điều 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 428 và khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự 2005:
- Áp dụng Điều 357, 429, 468, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

[1]. Buộc anh Trần Đức T và chị Nguyễn Thị N phải thanh toán trả cho ông Nguyễn Quảng B số tiền còn nợ là 82.480.000đ và tiền lãi chậm trả là 21.754.000đ, tổng cộng 104.234.000đ.

[2].Về án phí**:** Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Trần Đức T và chị Nguyễn Thị N phải chịu 5.211.700đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Nguyễn Quảng B số tiền 2.000.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2015/0002222 ngày 17/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Về quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

□n xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện LG;*
- *TAND tỉnh BG;*
- *Chi cục THADS huyện LG;*
- *Các đương sự;*
- *Lu HS, VP.*

TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Ngữ
Đã ký